HIỆP ĐỊNH
giữa
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
và
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA BÊ-LA-RÚT

về việc
CÔNG DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀM VIỆC CÓ THỜI HẠN TẠI NƯỚC CỘNG HÒA BÊ-LA-RÚT
và
CÔNG DÂN NƯỚC CỘNG HÒA BÊ-LA-RÚT LÀM VIỆC CÓ THỜI HẠN TẠI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bê-la-rút, sau đây gọi là "các Bên ký kết",

Nhằm phát triển hợp tác nhiều mặt giữa các Bên ký kết về vấn đề việc làm có thời hạn của công dân các Bên ký kết trên lãnh thổ của hai quốc gia,

Đã thoả thuận những điều sau đây:

Điều 1

Hiệp định này áp dụng đối với công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công dân nước Cộng hòa Bê-la-rút làm việc có thời hạn trên lãnh thổ của các Bên ký kết, cũng như đối với những thành viên gia đình của họ.

Hiệp định này không áp dụng đối với những người không có tư cách người lao động di cư phù hợp với pháp luật quốc gia của các Bên ký kết.

Điều 2

Nhằm mục đích của Hiệp định này, những thuật ngữ được nêu dưới đây có ý nghĩa như sau:

"Người lao động di cư" để chỉ một người, là công dân của quốc gia một Bên ký kết, cư trú và làm việc có thời hạn hợp pháp trên lãnh thổ của quốc gia Bên ký kết kia mà không định cư tại nước đó;

"Thành viên gia đình" để chỉ một người có quan hệ hôn nhân với người lao động di cư và những trẻ em đang sống phụ thuộc vào họ, và những người

khác, được công nhận là thành viên của gia đình họ theo quy định pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động;

"Bên sử dụng lao động" để chỉ quốc gia của một trong hai Bên ký kết, nơi người lao động di cư thực hiện việc làm có thời hạn được trả công;

"Bên xuất cảnh" để chỉ quốc gia của một trong hai Bên ký kết, nơi người lao động di cư thường trú và từ đó đi đến Bên sử dụng lao động để thực hiện việc làm có thời hạn được trả công.

"Người sử dụng lao động" là pháp nhân hoặc thể nhân có quyền ký kết và chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động di cư phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động.

Điều 3

Các Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia các Bên ký kết để thực hiện Hiệp định này là:

Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Ở nước Cộng hòa Bê-la-rút là Bộ Nội vụ nước Cộng hòa Bê-la-rút.

Các Cơ quan có thẩm quyền phối hợp các hoạt động trong khuôn khổ quyền hạn của mình phù hợp với pháp luật quốc gia của các Bên ký kết.

Điều 4

Các Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia các Bên ký kết trao đổi thông tin cho nhau về:

- Pháp luật quốc gia về lao động di cư cũng như các sửa đổi, bổ sung của pháp luật đó;

- Các cơ hội việc làm đối với Người lao động di cư;

- Hạn ngạch việc làm hàng năm dành cho Người lao động di cư phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động;

Tối thiểu một năm một lần, các Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia các Bên ký kết thông báo cho nhau về số lượng Người lao động di cư là công dân của quốc gia các Bên ký kết.

Điều 5

Các Bên ký kết bảo vệ quyền của Người lao động di cư và Thành viên gia đình họ, không cho phép phân biệt đối xử đối với họ dưới tất cả các hình thức về giới tính, độ tuổi, chủng tộc, dân tộc, thành phần xuất thân, tôn giáo và quan điểm chính trị, quốc tịch, tài sản và tình trạng hôn nhân cũng như bất cứ một hình thức phân biệt đối xử nào khác.

Các Bên ký kết cung cấp cho Người lao động di cư thông tin khách quan về Bên sử dụng lao động, về điều kiện sống và làm việc, pháp luật quốc gia, phong tục tập quán và các thông tin khác có liên quan.

Các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự của quốc gia các Bên ký kết, trong phạm vi thẩm quyền của mình cung cấp sự hỗ trợ cần thiết cho Người lao động di cư. Vì mục đích này, các cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Bê-la-rút có thể liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền của Bên sử dụng lao động.

Điều 6

Việc nhập cảnh của Người lao động di cư vào lãnh thổ của Bên sử dụng lao động, hoạt động lao động, cư trú và xuất cảnh của họ được thực hiện phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động và các thoả thuận quốc tế mà quốc gia của các Bên ký kết là thành viên.

Thành viên gia đình của Người lao động di cư có quyền nhập cảnh, cư trú trên lãnh thổ của Bên sử dụng lao động trong thời gian giấy phép cư trú và lao động của Người lao động di cư có hiệu lực phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động.

Điều 7

Người lao động di cư thực hiện hoạt động lao động trên cơ sở hợp đồng lao động ký với Người sử dụng lao động phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động.

Để thực hiện hoạt động lao động, Người lao động di cư phải có giấy phép cư trú và lao động theo quy định của pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động.

Điều 8

Những vấn đề liên quan đến an sinh xã hội, điều kiện làm việc, tiền công và bảo hộ lao động, thuế, bảo hiểm y tế đối với Người lao động di cư được điều chỉnh phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động cũng như các thoả thuận quốc tế mà quốc gia của các Bên ký kết là thành viên.

Những vấn đề về chế độ hưu trí của Người lao động di cư được điều chỉnh theo quy định của pháp luật quốc gia của Bên xuất cảnh cũng như các thoả thuận quốc tế mà quốc gia của các Bên ký kết là thành viên.

Điều 9

Việc bồi thường thiệt hại đối với Người lao động di cư trong trường hợp bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc các tổn hại sức khỏe khác liên quan đến việc thực hiện các hoạt động lao động được thực hiện phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động và hợp đồng lao động.

Điều 10

Trong trường hợp Người lao động di cư bị chết trên lãnh thổ Bên sử dụng lao động, Người sử dụng lao động có trách nhiệm kịp thời thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của Bên xuất cảnh và cung cấp các loại giấy tờ liên quan đến cái chết của họ theo quy định của pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động.

Trong trường hợp Người lao động di cư bị chết do những nguyên nhân liên quan đến việc Người sử dụng lao động không đảm bảo điều kiện an toàn lao động và (hoặc) có những vi phạm pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động, Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức việc chuyển thi hài hoặc hài cốt và tài sản của người chết về Bên xuất cảnh đồng thời chịu mọi chi phí liên quan.

Điều 11

Việc làm của người lao động di cư được thực hiện phù hợp với pháp luật quốc gia của các Bên ký kết.

Hợp đồng lao động giữa Người lao động di cư và Người sử dụng lao động được ký kết theo trình tự và với những điều kiện phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động và Hiệp định này.

Điều 12

Hợp đồng lao động được ký trực tiếp bằng văn bản giữa Người lao động di cư và Người sử dụng lao động trước khi người lao động xuất cảnh đến Bên sử dụng lao động.

Hợp đồng lao động bao gồm những điều khoản quy định về thời hạn lao động, tiền công, trách nhiệm công việc, nơi làm việc, điều kiện làm việc, thời gian làm việc và thời giờ làm thêm, chế độ nghỉ phép, kiểm tra sức khoẻ (trước khi xuất cảnh), chi phí đi lại từ nơi nhập cảnh đến nơi làm việc, điều kiện ăn, ở, chăm sóc y tế, bồi thường thiệt hại trong trường hợp mất sức lao động trong thời gian thực hiện hoạt động lao động và những điều kiện khác phù hợp với quy định pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động.

Tiền công của Người lao động di cư không được thấp hơn tiền công của công dân của Bên sử dụng lao động khi họ cùng thực hiện một công việc như nhau.

Người lao động di cư có trách nhiệm rời khỏi lãnh thổ Bên sử dụng lao động ngay sau khi hợp đồng lao động chấm dứt hiệu lực nếu không có những lý do hợp pháp để họ tiếp tục cư trú trên lãnh thổ nước đó phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động.

Điều 13

Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động vì lý do Người sử dụng lao động chấm dứt hoạt động, hoặc giảm biên chế, hoặc trong những trường hợp khác mà không do lỗi của Người lao động di cư, Người lao động di cư được hưởng chế độ bồi thường theo quy định của pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động.

Điều 14

Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động do Người sử dụng lao động vi phạm pháp luật quốc gia về lao động của Bên sử dụng lao động hoặc hợp đồng lao động mà Người lao động di cư phải trở về Bên xuất cảnh trước thời hạn, Người sử dụng lao động có trách nhiệm trả tiền bồi thường cho Người lao động di cư phù hợp với quy định của hợp đồng lao động và pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động.

Điều 15

Người lao động di cư có quyền chuyển các khoản tiền thu nhập về Bên xuất cảnh phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động, trừ trường hợp Hiệp định này có quy định khác.

Điều 16

Người lao động di cư và Thành viên gia đình họ có thể liên hệ trực tiếp với các Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia các Bên ký kết về tất cả các vấn đề liên quan đến Hiệp định này.

Việc giải quyết các tranh chấp lao động giữa Người lao động di cư và Người sử dụng lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật quốc gia của Bên sử dụng lao động.

Điều 17

Những vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hiệp định này và những tranh chấp phát sinh trong việc giải thích và áp dụng Hiệp định sẽ được giải quyết thông qua đàm phán và tham khảo ý kiến giữa Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia các Bên ký kết.

Điều 18

Hiệp định này có hiệu lực sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý nội bộ cần thiết để Hiệp định có hiệu lực, phù hợp với pháp luật quốc gia của các Bên ký kết và có giá trị vô thời hạn.

Hiệp định này có thể được sửa đổi thông qua việc thoả thuận giữa các Bên ký kết bằng việc trao đổi công hàm ngoại giao. Những sửa đổi đối với Hiệp định sẽ có hiệu lực phù hợp với đoạn một của Điều này.

Trong trường hợp Hiệp định này chấm dứt hiệu lực:

- Những giấy phép lao động được cấp trong thời gian Hiệp định còn hiệu lực sẽ vẫn còn giá trị cho đến khi những giấy phép đó hết thời hạn.

- Những hợp đồng lao động ký giữa Người lao động di cư và Người sử dụng lao động vẫn còn giá trị cho đến khi giấy phép lao động hết thời hạn.

Hiệp định này chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày một trong hai Bên ký kết nhận được thông báo bằng văn bản của Bên kia về ý định chấm dứt Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2011, thành hai (02) bản chính, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Nga và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được sự uỷ quyền đầy đủ của Chính phủ nước mình, đã ký Hiệp định này.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA BÊ-LA-RÚT
Nguyễn Thanh Hòa **Thứ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**	**A-lây-nhíc Xéc-gây** **Thứ trưởng Bộ Ngoại giao**

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM AND THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF BELARUS

ON INTERIM EMPLOYMENT OF NATIONALS OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM IN THE REPUBLIC OF BELARUS AND NATIONALS OF THE REPUBLIC OF BELARUS IN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Belarus, hereinafter referred to as "the Contracting Parties",

For the purposes of developing comprehensive cooperation between the Contracting Parties in the field of interim employment of nationals of the States of the Contracting Parties on the territories of both States,

Have agreed as follows:

Article 1

This Agreement hereby applies to the nationals of the Socialist Republic of Viet Nam and the nationals of the Republic of Belarus subject to interim employment on the territories of the States of the Contracting Parties as well as to the members of their families.

This Agreement hereby is not applicable to persons having no status of Migrant Employees pursuant to the legislation of the States of the Contracting Parties.

Article 2

For the purposes of this Agreement, all terms mentioned below shall have the following meaning ascribed to them:

"Migrant Employee" – a person, national of the State of one of the Contracting Parties, who resides and works on legal grounds on the territory

of the State of the other Contracting Party but has no permanent residence permit;

"Member of the family" – a person married to and children dependent on the Migrant Employee, and other persons, recognized as Members of their family pursuant to the national legislation of the Employing Party;

"Employing Party" – the State of one of the Contracting Parties, where Migrant Employee performs his or her paid interim employment activities;

"Party of Departure" – the State of one of the Contracting Parties, where Migrant Employees reside on a permanent basis and which he or she leaves for Employing Party for performing paid interim labor activities;

"Employer" – a legal entity or a natural person who in accordance with the national legislation of the Employing Party has been granted the right of concluding and terminating Labor contract with the Migrant Employee.

Article 3

The competent authorities of the States of the Contracting Parties for purposes of this Agreement are respectively:

On behalf of the Socialist Republic of Viet Nam – The Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs of the Socialist Republic of Viet Nam.

On behalf of the Republic of Belarus – The Ministry of Internal Affairs of the Republic of Belarus;

The competent authorities shall coordinate their activities within their respective competencies pursuant to the national legislation of the states of the Contracting Parties.

Article 4

The competent authorities of the States of the Contracting Parties agree to exchange information on:

- national legislation on labor migration, its changes and amendments;

- open (vacant) positions, which can be filled by Migrant Employees;

- annual employment quota set in accordance with the national legislation of Employing Party for Migrant Employees.

The competent authorities of the Contracting Parties shall inform each other about the number of Migrant Employees nationals of the States of the Contracting Parties at least once in the course of year.

Article 5

The Contracting Parties shall protect the rights of the Migrant Employees and Members of their families, and not allow any discrimination in relation to gender, age, race, ethnicity or social status, political and religious creed, nationality, property and marital status and other discrimination forms whatsoever.

The Contracting Parties shall provide Migrant Employees with objective information about the Employing Party, its living and employment conditions, its national legislation, traditions and other relevant information.

The diplomatic missions and consulates of the States of the Contracting Parties, within their respective competencies shall render all necessary assistance to Migrant Employees. For these purposes, the diplomatic missions and consulates of the Socialist Republic of Viet Nam and the Republic of Belarus can consult the competent authorities of the Employing Party.

Article 6

The entry of Migrant Employees to the territory of the Employing Party, their labor activity, residence and exit from the Employing Party are performed pursuant to the national legislation of the Employing Party and international agreements to which the States of the Contracting Parties are parties.

Members of the families of Migrant Employees shall have right of entry and residence on the territory of the Employing Party during the term stated in the work and residence permits of the Migrant Employees pursuant to the national legislation of the Employing Party.

Article 7

Migrant Employees perform their labor activities on the grounds of the Labor contract concluded with the Employer pursuant to the national legislation of the Employing Party.

In order to perform labor activities, Migrant Employees should obtain residence and work permits issued to the procedure prescribed by the national legislation of the Employing Party.

Article 8

All issues related to social security, working conditions, labour remuneration and protection, taxation, medical insurance of Migrant Employees shall be regulated pursuant to the national legislation of the

Employing Party and international agreements to which the States of the Contracting Parties are parties.

The issues related to pension provision entitled to Migrant Employees shall be regulated pursuant to the national legislation of the Party of Departure and international agreements to which the States of the Contracting Parties are parties.

Article 9

Compensation of damages caused to the Migrant Employees in result of job-related accident, occupational disease, or other damage to health associated with performing of labor activities shall be performed pursuant to the national legislation of the Employing Party and the Labor contract.

Article 10

In case of the death of a Migrant Employee on the territory of the Employing Party, the Employer shall immediately inform diplomatic mission or consulate of the Party of Departure and deliver all death-related documents as prescribed by the national legislation of the Employing Party.

In cases, when the death of the Migrant Employee was caused by the Employer's failure to provide safe working conditions and (or) other violations of the national legislation of the Employing Party, the Employer shall organize transportation of the body (or remains) of the dead Migrant Employee and his or her possessions to the Party of Departure, bear all expenses associated with transportation.

Article 11

Employment of the Migrant Employee is carried out pursuant to the national legislation of the States of the Contracting Parties.

A Labor Contract between the Migrant Employee and the Employer shall be concluded in the order and on the conditions as perscribed by the national legislation of the Employing Party and by this Agreement.

Article 12

Labor Contract shall be concluded directly by and between the Migrant Employee and Employer in writing before departure for the Employing Party.

Labor Contract shall contain the provisions specifying the term of employment, salary amount of a Migrant Employee, work responsibilities,

place of work, working conditions, working hours and overtime works, leaves, medical check-up (performed prior to departure), traveling expenses from the place of arrival to the place of employment, meals, accommodation, medical service, indemnification of the health injury occurred during performing of labor activities and other information pursuant to the national legislation of the Employing Party.

Remuneration of labor of a Migrant Employee for performing equal responsibilities cannot be lower than the one of a national of the Employing Party.

The Migrant Employee shall immediately leave the territory of the Employing Party after expiration of the Labor Contract provided there are no other legal grounds for his or her residence on its territory pursuant to the national legislation of the Employing Party.

Article 13

In case of termination of the Labor Contract through the liquidation of the Employer or staff reduction or in other cases without any fault of Migrant Employee, the Migrant Employee will be entitled to compensation paid pursuant to the rules provided in the national legislation of the Employing Party.

Article 14

In the case of termination of the Labor Contract through violation by the Employer of the national labor legislation of the Employing Party or Labor contract, which resulted in the early exit of the Migrant Employees to the Party of Departure the Employer shall pay compensation to the Migrant Employees pursuant to the Labor Contract and national legislation of the Employing Party.

Article 15

The Migrant Employee has the right to remit his earned money to the Party of Departure pursuant to the national legislation of the Employing Party, unless otherwise stipulated by this Agreement.

Article 16

The Migrant Employees and the Members of their families can directly contact the competent authorities of the States of the Contracting Parties for all matters regulated by this Agreement.

The employment disputes arising between Migrant Employees and Employers shall be resolved in accordance with the national legislation of the Employing Party.

Article 17

All issues related to the implementation of this Agreement and any disputes arising out of interpretation or application of its provisions shall be resolved by negotiations and consultations between the competent authorities of the States of the Contracting Parties.

Article 18

The Agreement hereby comes into force after thirty (30) days from the date of the receipt through diplomatic channels of the last written notification on completion of all internal legal procedures required for its entering into force pursuant to the national legislation of the states of the Contracting Parties and remains valid for indefinite period.

This Agreement may be amended by mutual agreement of the Contracting Parties through exchange of diplomatic notes. The amendments to this Agreement come into force in accordance with part 1 of this Article.

In case of termination of this Agreement:

- Work permits issued during its term of validity remain effective until their expiration date;

- Labor Contracts concluded in compliance with this Agreement by and between the Migrant Employees and Employer remain valid until expiration date of work permits.

The Agreement hereby can be terminated upon the expiry of six (06) months from the date on which one of the Contracting Party informs in writing the other Contracting Party about is intention to terminate this Agreement.

Done in Ha Noi, on 29th November 2011, in two (02) original copies, each in the Vietnamese, Russian and English languages, all texts being equal

legally binding. In case of any divergence in the interpretation of this Agreement, the English text shall prevail.

In witness thereof, the undersigned, being duly authorized, have signed this Agreement.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF BELARUS
Nguyen Thanh Hoa	**A-lây-nhíc Xéc-gây**

СОГЛАШЕНИЕ

между

Правительством Социалистической Республики Вьетнам

и Правительством Республики Беларусь

о временном трудоустройстве

граждан Социалистической Республики Вьетнам

в Республике Беларусь

и граждан Республики Беларусь

в Социалистической Республике Вьетнам

Правительство Социалистической Республики Вьетнам и Правительство Республики Беларусь, именуемые далее Договаривающимися Сторонами,

стремясь к всестороннему развитию сотрудничества между Договаривающимися Сторонами в области временного трудоустройства граждан государств Договаривающихся Сторон на территориях обоих государств,

согласились о нижеследующем:

Статья 1

Действие настоящего Соглашения распространяется на граждан Социалистической Республики Вьетнам и граждан Республики Беларусь, временно трудоустраивающихся на территориях государств Договаривающихся Сторон, а также на членов их семей.

Настоящее Соглашение не применяется к лицам, не имеющим статуса трудящегося-мигранта в соответствии с национальным законодательством государств Договаривающихся Сторон.

Статья 2

Для целей настоящего Соглашения нижеуказанные термины означают следующее:

Трудящийся-Мигрант – лицо, являющееся гражданином государства одной Договаривающейся Стороны, которое на законном основании находится и занимается временной трудовой деятельностью на территории государства другой Договаривающейся Стороны, в котором постоянно не проживает;

Член семьи – лицо, состоящее в браке с трудящимся-мигрантом, а также находящиеся на его иждивении дети и другие лица, которые признаются членами семьи в соответствии с национальным законодательством Стороны трудоустройства;

Сторона трудоустройства – государство одной из Договаривающихся Сторон, в котором трудящийся-мигрант осуществляет оплачиваемую временную трудовую деятельность;

Сторона выезда – государство одной из Договаривающихся Сторон, в котором постоянно проживает трудящийся-мигрант, и из которого он выезжает в Сторону трудоустройства для занятия оплачиваемой временной трудовой деятельностью;

Наниматель (работодатель) – юридическое или физическое лицо, которое в соответствии с национальным законодательством Стороны трудоустройства имеет право заключения и прекращения трудового договора.

Статья 3

Компетентными органами государств Договаривающихся Сторон для целей настоящего Соглашения являются от:

Социалистической Республики Вьетнам – Министерство труда, инвалидов войны и социальных вопросов Социалистической Республики Вьетнам;

Республики Беларусь – Министерство внутренних дел Республики Беларусь.

Компетентные органы взаимодействуют в рамках компетенции, предусмотренной национальным законодательством государств Договаривающихся Сторон.

Статья 4

Компетентные органы государств Договаривающихся Сторон обмениваются информацией:

о национальном законодательстве в сфере трудовой миграции, а также о дополнениях и изменениях в нем;

о свободных (вакантных) рабочих местах, на которые могут быть привлечены трудящиеся-мигранты;

о годовой квоте, установленной в соответствии с национальным законодательством Стороны трудоустройства на привлечение к трудовой деятельности трудящихся-мигрантов.

Компетентные органы государств Договаривающихся Сторон информируют друг друга о количестве трудящихся-мигрантов, являющихся гражданами государств Договаривающихся Сторон, не реже одного раза в течение года.

Статья 5

Договаривающиеся Стороны обязуются обеспечивать защиту прав трудящихся-мигрантов и членов их семей, не допускать по отношению к ним дискриминации по признакам пола, возраста, расы, этнического и

социального происхождения, религиозных и политических убеждений, гражданства, имущественного и семейного положения, а также по любому другому признаку.

Договаривающиеся Стороны обеспечивают трудящихся-мигрантов объективной информацией о Стороне трудоустройства, условиях жизни и работы, национальном законодательстве, обычаях и другой необходимой информацией.

В рамках своих полномочий дипломатические представительства и консульские учреждения государств Договаривающихся Сторон предоставляют необходимую помощь трудящимся-мигрантам. В этих целях дипломатические представительства и консульские учреждения Республики Беларусь и Социалистической Республики Вьетнам могут обращаться к компетентному органу в Стороне трудоустройства.

Статья 6

Въезд трудящихся-мигрантов на территорию Стороны трудоустройства, их трудовая деятельность, пребывание и выезд осуществляются в соответствии с национальным законодательством Стороны трудоустройства и международными договорами, участниками которых являются государства Договаривающихся Сторон.

Члены семей трудящихся-мигрантов имеют право на въезд и пребывание на территории Стороны трудоустройства на срок действия разрешений на пребывание и работу трудящегося-мигранта в порядке, предусмотренном национальным законодательством Стороны трудоустройства.

Статья 7

Трудящиеся-мигранты осуществляют трудовую деятельность на основании трудового договора, заключенного с нанимателем (работодателем) в соответствии с национальным законодательством Стороны трудоустройства.

Для осуществления трудовой деятельности трудящиеся-мигранты должны иметь разрешения на пребывание и работу, выданные в порядке, определенном национальным законодательством Стороны трудоустройства.

Статья 8

Вопросы социального обеспечения, условий труда, оплаты и охраны труда, налогообложения, медицинского страхования трудящихся-мигрантов регулируются в соответствии с национальным законодательством Стороны трудоустройства и международными договорами, заключенными государствами Договаривающихся Сторон.

Вопросы пенсионного обеспечения трудящихся-мигрантов регулируются национальным законодательством Стороны выезда, а также международными договорами, заключенными государствами Договаривающихся Сторон.

Статья 9

Возмещение вреда, причиненного трудящемуся-мигранту в результате несчастного случая на производстве, профессионального заболевания, или другого вреда здоровью, связанного с выполнением им трудовых обязанностей, осуществляется в соответствии с национальным законодательством Стороны трудоустройства и трудовым договором.

Статья 10

В случае смерти трудящегося-мигранта на территории Стороны трудоустройства наниматель (работодатель) обязан незамедлительно проинформировать об этом дипломатическое представительство или консульское учреждение Стороны выезда и представить ему все предусмотренные национальным законодательством Стороны трудоустройства документы, относящиеся к смерти.

Если смерть трудящегося-мигранта вызвана причинами, связанными с необеспечением нанимателем (работодателем) безопасных условий труда и (или) иными нарушениями национального законодательства Стороны трудоустройства, наниматель (работодатель) обязан организовать отправку тела или праха погибшего трудящегося-мигранта и его имущества в Сторону выезда, а также нести все связанные с этим расходы.

Статья 11

Трудоустройство трудящегося-мигранта осуществляется в порядке, предусмотренном национальным законодательством государств Договаривающихся Сторон.

Трудовой договор между трудящимся-мигрантом и работодателем заключается в порядке и на условиях, предусмотренных национальным законодательством Стороны трудоустройства и настоящим Соглашением.

Статья 12

Трудовой договор заключается непосредственно между трудящимся-мигрантом и нанимателем (работодателем) в письменной форме до выезда в Сторону трудоустройства.

Трудовой договор содержит сведения о сроке его действия, размере заработной платы трудящегося-мигранта, трудовой функции, месте работы, условиях труда, рабочем времени и сверхурочных работах, трудовом отпуске, медицинском осмотре (до выезда к месту работы), дорожных расходах от места пребывания до места трудоустройства, питании, проживании, медицинском обслуживании, возмещении вреда в случае потери здоровья во время осуществления трудовой деятельности и другие сведения в соответствии с национальным законодательством Стороны трудоустройства.

Оплата труда трудящегося-мигранта не может быть ниже оплаты труда гражданина Стороны трудоустройства за выполнение аналогичной работы.

Трудящийся-мигрант обязан после истечения срока действия трудового договора покинуть территорию Стороны трудоустройства, если нет иных законных оснований для его пребывания на ее территории в соответствии с национальным законодательством Стороны трудоустройства.

Статья 13

При расторжении трудового договора в связи с прекращением деятельности нанимателя (работодателя), сокращением кадров или в других случаях, происходящих не по вине трудящегося-мигранта, трудящемуся-мигранту выплачивается компенсация в соответствии с

правилами, установленными законодательством Стороны трудоустройства.

Статья 14

В случае расторжения трудового договора за нарушение нанимателем (работодателем) национального законодательства Стороны трудоустройства о труде или трудового договора, в результате чего трудящийся-мигрант досрочно возвращается в Сторону выезда, наниматель (работодатель) выплачивает трудящемуся-мигранту компенсацию, предусмотренную трудовым договором и национальным законодательством Стороны трудоустройства.

Статья 15

Трудящийся-мигрант имеет право переводить заработанные денежные средства в Сторону выезда в соответствии с национальным законодательством Стороны трудоустройства, если настоящим Соглашением не предусмотрено иное.

Статья 16

Трудящиеся-мигранты и члены их семей могут обращаться к компетентным органам государств Договаривающихся Сторон непосредственно по вопросам, относящимся к области правового регулирования настоящего Соглашения.

Разрешение трудовых споров между трудящимися-мигрантами и их нанимателями (работодателями) осуществляется в порядке, предусмотренном национальным законодательством Стороны трудоустройства.

Статья 17

Вопросы, связанные с реализацией настоящего Соглашения, и разногласия, возникающие при толковании или применении его положений, решаются путем переговоров или консультаций между компетентными органами государств Договаривающихся Сторон.

Статья 18

Настоящее Соглашение вступает в силу через 30 дней с даты получения по дипломатическим каналам последнего письменного уведомления, которым Договаривающиеся Стороны сообщают друг другу о выполнении процедур, необходимых для вступления в силу настоящего Соглашения, предусмотренных национальным законодательством государств Договаривающихся Сторон, и действует в течение неопределенного срока.

Внесение изменений и дополнений в настоящее Соглашение осуществляется по взаимной договоренности Договаривающихся Сторон путем обмена нотами. Изменения и дополнения вступают в силу в соответствии с частью первой настоящей статьи.

В случае прекращения действия настоящего Соглашения:

разрешения на работу, выданные в период его действия, остаются действительными до истечения срока их действия;

трудовые договоры, заключенные в соответствии с настоящим Соглашением между трудящимися-мигрантами и нанимателями (работодателями), являются действительными до истечения срока действия разрешений на работу.

Настоящее Соглашение прекращает свое действие по истечении шести (06) месяцев с даты уведомления в письменной форме одной из

Договаривающихся Сторон другой Договаривающейся Стороны о своем намерении прекратить его действие.

Совершено в Ханое «29» ноября 2011 года в двух подлинных экземплярах, каждый на вьетнамском, русском и английском языках. Все экземпляры имеют одинаковую юридическую силу. В случае различий в толковании предпочтение будет отдано тексту на английском языке.

В подтверждение чего нижеподписавшиеся, должным образом на то уполномоченные, подписали настоящее Соглашение.

За Правительство Социалистической Республики Вьетнам

За Правительство Республики Беларусь

Сергей Алейник